

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 21 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân.

2. Ông Vũ Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Anh Thị Thanh Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Mông Thị T; Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1987, tại xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mông Văn Đ và bà Phùng Thị H; Chồng: Đinh Văn T; Con: Có 01 con sinh năm 2009; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/11/2020, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử tại bản án số 551/2020/HS-PT, tuyên phạt 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 14 năm 06 tháng tù; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/02/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hiên; Trợ giúp viên pháp lý
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**** Bị hại:***

- Anh Thào Mìn D – Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Sùng Seo L – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- Chị Lương Thị Y – Sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- Anh Phạm Tiến Ngọc – Sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- Anh Sùng Mí C - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

- Chị Thào Thị M – Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Ông Mông Văn Đ

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2016 Mông Thị T gặp gỡ và quen biết chị Lương Thị Y (trú tại: xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang), đến khoảng tháng 6 năm 2016 bị cáo T nói với chị Y là T có khả năng xin việc làm cho ngành sư phạm vì T có người nhà làm việc ở Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Giang (*Không nói rõ tên, chức vụ*) và nhờ chị Y đăng tải thông tin lên mạng xã hội để người có nhu cầu xin việc làm biết. Sau đó chị Y đã đăng tải thông tin lên mạng xã hội facebook với nội dung “*các bạn ai có nhu cầu xin việc làm thì gặp tớ nhé, tớ có quen một người có khả năng xin việc làm*”. Sau khi Y đăng tải thông tin thì có nhiều người vào bình luận bài viết với nội dung xin việc, trong số đó có Thào Mìn D là bạn học cùng lớp của Y khi còn học tại Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Y. Sau khi có nhiều bình luận và đề nghị Y giới thiệu xin việc thì Y quyết định chỉ giới thiệu cho những người quen biết nên Y đã gửi số điện thoại của Mông Thị T cho Thào Mìn D đồng thời gửi cho T số điện thoại của D và giới thiệu với T là D là bạn của Y có gì thì T cứ tư vấn. Sau khi D được Y cho số điện thoại của T thì D chủ động liên lạc trước cho T và hỏi “*Em có đưa bạn giới thiệu là chị xin được việc làm à*” thì T trả lời “*Ừ, chị xin được việc*” và cho biết số tiền xin việc là

160.000.000đ (Theo bị cáo T trình bày là 100.000.000đ). Sau khi biết được giá tiền xin việc như trên thì D có nói cho T biết là nhà D không có số tiền đấy, T có nói “*Có bao nhiêu đưa trước bấy nhiêu*”, sau khi nói chuyện thì hai bên thống nhất D chuyển trước cho T số tiền 10.000.000đ và cả hai hẹn gặp trực tiếp ở huyện Q hoặc ở thành phố H. Ngày 21/7/2016 T gọi điện thoại cho D và hẹn ngày 22/7/2016 gặp D ở thành phố H. Khoảng 13 giờ ngày 22/7/2016 D đi cùng em rể là Sùng Seo L đến gặp T ở khu vực gần công trường Chính trị tỉnh Hà Giang và vào quán cà phê gần đó uống nước và thỏa thuận nội dung T xin việc cho D, T hứa hẹn “*Chị chắc chắn xin được việc làm cho em*”, D nói với T do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chỉ mang theo 10.000.000đ và T đồng ý và nói “*Thế cứ đưa cho chị trước*”, D đưa cho T số tiền 10.000.000đ và đề nghị T viết một giấy biên nhận vay tiền đưa cho D. Sau đó 02 ngày thì T gọi điện cho D và nói “*Đã xin được việc rồi, chuẩn bị đưa tiền cho chị đi*”, T gọi điện thường xuyên và hứa hẹn đến đầu năm học mới là đi làm, do D không có tiền nên có đề nghị khi nào được đi làm thì giao tiền nhưng T không đồng ý và yêu cầu phải giao trước ít nhất một nửa. Đến tháng 8 năm 2016 Thảo Mìn D đi vay được số tiền 50.000.000đ và đồng ý đưa số tiền này cho T để xin việc nên D gọi điện cho T và đề nghị lên huyện M đưa trực tiếp tiền cho T nhưng T yêu cầu chuyển tiền qua tài khoản cho T và nhắn cho D thông tin số tài khoản bằng số điện thoại 0166792197. Ngày 16/8/2016 D đi cùng vợ là chị Thảo Mí M đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q gửi vào số tài khoản của Mông Thị T với số tiền 50.000.000đ, sau khi gửi tiền qua tài khoản D gọi điện cho T và T xác nhận là đã nhận được tiền của D gửi và bảo D cứ yên tâm mấy hôm nữa được đi làm thì khác báo cho D. Sau khi nhận được tiền do D chuyển vào tài khoản thì T đã rút thành tiền mặt để chi tiêu cá nhân và trả nợ cho người khác, không thực hiện xin việc cho D. Kể từ khi nhận được tiền thì T không chủ động liên lạc với D nữa, mỗi lần D gọi điện thoại thúc giục thì T động viên D yên tâm chờ đợi, đến cuối năm 2016 do không được đi làm thì D có yêu cầu T trả lại số tiền trên nhưng T không trả và yêu cầu D tiếp tục chờ thêm, sau đó T thay số điện thoại D không liên lạc được nữa, D đến nơi cư trú của T tại thị trấn M cũng không gặp được T nên D đã gặp gỡ người nhà của T xin số điện thoại liên lạc với T yêu cầu T trả lại tiền, do lo sợ D làm đơn gửi cơ quan chức năng nên T đã gửi trả tiền cho D một lần với số tiền là 5.000.000đ bằng cách gửi qua ngân hàng, sau đó D không liên lạc được với T nữa. Sau khi biết T bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang bắt tạm giam thì D làm đơn đề nghị cơ quan chức năng giải quyết, xử lý hành vi của Mông Thị T.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Vào giữa năm 2016 bị cáo không nhớ cụ thể ngày, tháng khi đó bị cáo đang là giáo viên trường Mầm non T, huyện M, do làm ăn thua lỗ nợ nần số tiền lớn nên bị cáo nảy sinh ý định sẽ lừa những người có nhu cầu xin việc làm để chiếm đoạt tiền của họ trả cho những người mà bị cáo vay nợ trước đó nên bị cáo nói với chị Lương Thị Y là giáo viên Trường tiểu học N, huyện M là bị cáo có khả năng xin được việc làm để chị Y giới thiệu cho người quen có nhu cầu xin việc cho bị cáo, sau đó có Thảo Mìn D gọi điện cho bị cáo trao đổi về việc có nhu cầu xin việc làm qua thông tin chị Y giới thiệu, D

nói vừa học xong Sư phạm Tiểu học chưa có việc làm và nhờ bị cáo xin việc cho, bị cáo và D thỏa thuận số tiền xin việc là 100.000.000đ, do D không có ngay số tiền đó nên bị cáo có yêu cầu D đặt cọc trước cho bị cáo số tiền 10.000.000đ, D đồng ý và cả hai hẹn gặp nhau tại thành phố H, sau đó mấy hôm thì bị cáo và D gặp nhau như đã hẹn tại quán cà phê khu vực cổng Trường Chính trị tỉnh Hà Giang, tại quán cà phê D có đưa trước cho bị cáo 10.000.000đ để xin việc, bị cáo viết giấy biên nhận vay tiền đưa cho D, sau đó bị cáo đi về huyện M, đến khoảng hai tuần sau bị cáo chủ động gọi điện cho D về đề nghị D chuyển thêm tiền, sau nhiều lần gọi điện và bị cáo hứa hẹn với D là sắp có việc làm rồi, đầu năm mới sẽ đi làm và yêu cầu D phải chuyển tiền ngay thì D đã đồng ý gửi thêm cho bị cáo số tiền 50.000.000đ, bị cáo nói với D là do đường xa đi lại khó khăn, không có thời gian đi lại thì đi ra ngân hàng chuyển tiền và bị cáo nhắn tin gửi thông tin tài khoản của mình cho D, sau đó D đã chuyển cho bị cáo số tiền 50.000.000đ bằng cách gửi qua ngân hàng vào số tài khoản của bị cáo, sau khi D đưa hai lần tiền tổng cộng là 60.000.000đ thì bị cáo không yêu cầu D phải chuyển thêm tiền nữa mà hứa hẹn với D là khi nào đi làm thì chuyển tiếp, thực tế bị cáo sau khi nhận được tiền của D đã dùng số tiền này trả nợ và chi tiêu cá nhân, không xin việc làm cho D, đến năm học mới D không có quyết định đi làm thì nhiều lần gọi điện thúc giục, bị cáo vẫn hứa hẹn yêu cầu D tiếp tục chờ, sau đó D yêu cầu bị cáo trả lại tiền nhiều lần thì bị cáo có trả lại cho D được 5.000.000đ.

Tại kết luận giám định số 305/KL-PC09 ngày 15/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Mông Thị T trên Giấy vay tiền đứng tên Mông Thị T ngày 22/7/2016 (*Mẫu cần giám định A*) so với chữ viết, chữ ký của Mông Thị T trên các mẫu so sánh (*ký hiệu M1,M2,M3*) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại chứng từ giao dịch ngày 16/8/2016 (BL 125) của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Q thể hiện giao dịch chuyển tiền giữa người chuyển tiền là Thào Mìn D, người thụ hưởng là Mông Thị T – Địa chỉ: Trường Mầm non T, Số tài khoản 8203205012867 với số tiền giao dịch là 50.000.000đ. Tại biên bản làm việc ngày 26/8/2020 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông nghiệp Việt Nam – Chi nhánh huyện M xác nhận số tài khoản 8203205012867 là tài khoản của Mông Thị T mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông nghiệp Việt Nam – Chi nhánh huyện M, số tài khoản này có nhận chuyển tiền từ Thào Mìn D với số tiền 50.000.000đ ngày 16/8/2016.

Tại Lệnh thanh toán và chứng từ tra soát đến số 82099075 ngày 11/5/2018 (BL 126,127) của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Q xác định giao dịch giữa người phát lệnh Mông Thị T, người nhận Lệnh Thào Mìn D có Chứng minh thư 073222428#13/12/2011#CA Hà Giang, Số tiền 5.000.000đ, nội dung Chuyển tiền qua CMT.

Vật chứng vụ án: 01 chứng từ giao dịch ngày 16/8/2016, 01 Lệnh thanh toán ngày 11/5/2018, 01 Lệnh tra soát đến ngày 11/5/2018 đều tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Q, 01 giấy vay tiền đề ngày 22/7/2016 ký tên người vay Mông Thị T. Các tài liệu này lưu cùng hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 5 gắn Sim điện thoại số 01667922197 bị cáo dùng để liên lạc với Thảo Mìn D để thỏa thuận và yêu cầu chuyển tiền để xin việc đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang để giải quyết trong vụ án khác (BL 151).

Về dân sự: Anh Thảo Mìn D yêu cầu Mông Thị T bồi thường số tiền 50.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSQB ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Mông Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (*Sửa đổi bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện cũng như các tài liệu, chứng cứ thu giữ được.

Tại phiên tòa bị hại Thảo Mìn D trình bày: Do được bạn giới thiệu và tin tưởng bị cáo Mông Thị T xin được việc làm nên đã đưa cho bị cáo T số tiền 60.000.000đ, sau đó không có việc làm có đòi bị cáo trả lại số tiền trên nên bị cáo đã trả lại 5.000.000đ. Bị hại đã tố cáo hành vi của bị cáo đến cơ quan chức năng, quá trình giải quyết vụ án, trước ngày xét xử gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ, còn lại số tiền 50.000.000đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu. Đề nghị:

+ Tuyên bố bị cáo Mông Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mông Thị T từ 24 tháng tù đến 26 tháng tù, tổng hợp hình phạt 14 năm 06 tháng của bản án số: 551/2020/HS-PT ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/02/2019.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 585, khoản 1 Điều 589 BLDS đề nghị bị cáo phải bồi thường cho bị hại Thào Mìn D số tiền 50.000.000đ.

+ Xử lý vật chứng: Đã xử lý theo quy định.

+ Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo đề nghị:

Về tội danh: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với các bị cáo. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Việc áp dụng pháp luật: Nhất trí với việc áp dụng của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tình tiết người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục được một phần hậu quả và bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, bị cáo có con nhỏ cần sự chăm sóc của bị cáo.

Về mức hình phạt: Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

* Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên đối với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo:

- Về tội danh, án phí: Không có ý kiến tranh luận do người bào chữa có cùng quan điểm với Viện Kiểm sát.

- Điều luật áp dụng: Không nhất trí với đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS vì bị cáo có nhân thân không tốt, không thuộc trường hợp được áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Về hình phạt: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị, không nhất trí với mức án người bào chữa đề nghị áp dụng từ 12 đến 15 tháng tù.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Mông Thị T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2016 đến ngày 16/8/2016 qua giới thiệu của chị Lương Thị Y bị cáo biết anh Thào Mìn D có mong muốn tìm việc làm và bị cáo cần tiền để trả nợ nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, hứa hẹn với anh Thào Mìn D là có thể xin việc làm để anh D đưa số tiền 60.000.000đ nhờ xin việc rồi bị cáo chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ. Sau đó lo sợ anh D tố cáo hành vi của mình nên ngày 11/5/2018 bị cáo đã trả lại anh D số tiền 5.000.000đ, ngày 22/6/2020 bị hại Thào Mìn D có đơn tố giác hành vi của Mông Thị T đến cơ quan chức năng. Như vậy bị cáo đã chiếm đoạt của anh Thào Mìn D số tiền 55.000.000đ, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thấy được: Bị cáo từng là giáo viên, bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật xử lý, nhưng bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại và đưa ra các thông tin sai sự thật để chiếm đoạt của bị hại số tiền 55.000.000đ, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về việc áp dụng Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo: Bị cáo Mông Thị T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Mức hình phạt quy định tại Điều 139 BLHS năm 1999 và Điều 174 của BLHS năm 2015 như nhau, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 174 của

BLHS năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Mông Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện gia đình bị cáo sau khi có tác động của bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ cho bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về dân sự: Bị hại Thào Mìn D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại 50.000.000đ. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho bị hại.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hiện không có nghề nghiệp, gia đình kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Xử lý về vật chứng vụ án: 01 chứng từ giao dịch ngày 16/8/2016, 01 Lệnh thanh toán ngày 11/5/2018, 01 Lệnh tra soát đến ngày 11/5/2018 đều tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Q, 01 giấy vay tiền đề ngày 22/7/2016 ký tên người vay Mông Thị T. Các tài liệu này lưu cùng hồ sơ vụ án.

[10] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 5 gắn Sim điện thoại số 01667922197 của bị cáo dùng để liên lạc với Thào Mìn D yêu cầu chuyển tiền để xin việc đã được xử lý tại bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định.

[12] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584,585,586,589 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Mông Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Hình phạt: Xử phạt bị cáo Mông Thị T 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cộng với 14 năm 06 tháng tù của bản án số: 551/2020/HS-PT ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Hình phạt chung của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành là 16 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/02/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mông Thị T phải bồi thường cho bị hại Thào Mìn D số tiền 50.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không bồi thường số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Mông Thị T.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh HG;
- Viện kiểm sát huyện Q;
- Công an huyện Q;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã L, huyện B
- Lưu HS - BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hoàng Trung